THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO GIÁO VIÊN TRƯỜNG TIỂU HỌC SONG LỘC A XÃ SONG LỘC, TỈNH VĨNH LONG ĐÁP ỨNGN YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ

Huỳnh Minh Phụng
Đại học Trà Vinh

Tóm tắt: *Xuất phát từ những yêu cầu của cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn của cơ sở giáo dục địa phương, tác giả mạnh dạnh lựa chọn nghiên cứu đề tài: "Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên trường Tiểu học Song Lộc A xã Song Lộc, tỉnh Vĩnh Long đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số". Bài viết trình bày một số nội dung về thực trạng quản lý từ kết quả nghiên cứu trên.*

Từ khóa*: Bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, giáo viên trường Tiểu học Song Lộc A, xã Song Lộc, tỉnh Vĩnh Long, chuyển đổi số.*

CURRENT SITUATION OF MANAGING INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION COMPETENCY TRAINING ACTIVITIES FOR TEACHERS AT SONG LOC A PRIMARY SCHOOL, SONG LOC COMMUNE, VINH LONG PROVINCE TO MEET THE REQUIREMENTS OF DIGITAL TRANSFORMATION

Abstract: *Based on the requirements of the theoretical, legal, and practical foundations of the local education institution, the author boldly chose to research the topic: "Managing information technology application competency training activities for teachers at Song Loc A Primary School, Song Loc Commune, Vinh Long Province to meet the requirements of digital transformation". This article presents some content on the current state of management based on the research results.*

Keywords: *training in information technology application skills, teachers of Song Loc A Primary School, Song Loc commune, Vinh Long province, digital transformation.*

Nhận bài: 13/05/2026 Phản biện: 14/06/2026 Duyệt đăng: 17/06

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển đổi số (CĐS) đã làm thay đổi phương thức quản lý, tổ chức và cung cấp các dịch vụ giáo dục mà còn tạo động lực cho đổi mới căn bản, phát triển toàn diện giáo dục theo hướng hiện đại. Trước tình hình đó, việc xây dựng đội ngũ giáo viên có năng lực số, có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin (ƯDCNTT) trong quản lý, dạy học trở thành nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, quyết định đến hiệu quả và chất chất lượng giáo dục hiện nay.

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án tăng cường ƯDCNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030; Quốc hội cũng đã ban hành Luật số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025 Luật chuyển đổi số,..." Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là một trong những đột phá chiến lược của đất nước trong giai đoạn mới, trong đó giáo dục được xem là nền tảng để hình thành nguồn nhân lực số chất lượng cao.

Trong nhà trường phổ thông nói chung trường tiểu học nói riêng, giáo viên là người trực tiếp tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục và thực hiện mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông (CT GDPT) 2018. Trong bối cảnh CĐS, giáo viên phải có năng lực chuyên môn chung, còn phải thành thạo kỹ năng ƯDCNTT, khai thác học liệu số, sử dụng được các nền tảng dạy học trực tuyến, triển khai kiểm tra đánh giá trên môi trường số và từng bước vận dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cũng như các công nghệ mới vào hoạt động giáo dục. Cho nên năng lực số của giáo viên trở thành một trong những kỹ năng quan trọng phản ánh chất lượng đội ngũ giáo viên và là điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục.

Tuy nhiên, năng lực ƯDCNTT của đội ngũ giáo viên không thể được hình thành và phát triển một cách bền vững nếu chỉ dựa vào ý thức tự học của mỗi cá nhân mà cần có sự đồng bộ và được bồi dưỡng thường xuyên từ phía nhà trường. Trong

đó, quản lý hoạt động bồi dưỡng giữ vai trò quyết định, bởi đây là quá trình tác động có mục đích của cán bộ quản lý (CBQL) nhằm xác định nhu cầu, để xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá hoạt động bồi dưỡng, bảo đảm giáo viên được hỗ trợ đúng nhu cầu, đúng thời điểm và đúng yêu cầu phát triển năng lực nghề nghiệp. Xuất phát từ những yêu cầu của cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn của cơ sở giáo dục địa phương, tác giả mạnh dạn lựa chọn nghiên cứu đề tài: "Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên trường Tiểu học Song Lộc A xã Song Lộc, tỉnh Vĩnh Long đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số". Bài viết trình bày một số nội dung từ kết quả nghiên cứu trên.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG

2.1. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin

Dưới góc độ tiếp cận năng lực, năng lực ƯDCNTT được hiểu là sự tổng hợp của kiến thức, kỹ năng, thái độ và kinh nghiệm thực tiễn giúp cá nhân khai thác, sử dụng và tích hợp CNTT một cách hiệu quả, sáng tạo và an toàn trong các hoạt động nghề nghiệp. Theo quan điểm của UNESCO (2018), năng lực CNTT của giáo viên không chỉ bao gồm khả năng sử dụng công nghệ mà còn phải biết tích hợp công nghệ vào hoạt động dạy học nhằm phát triển năng lực người học, đổi mới phương pháp giáo dục và thúc đẩy học tập suốt đời.

Tại Việt Nam, yêu cầu về năng lực ƯDCNTT của giáo viên ngày càng được cụ thể hóa trong các chủ trương, chính sách về CĐS giáo dục.

Đối với giáo viên tiểu học, năng lực ƯDCNTT được thể hiện thông qua khả năng sử dụng các thiết bị công nghệ, phần mềm và nền tảng số để phục vụ công tác giảng dạy, quản lý lớp học, kiểm tra đánh giá, khai thác học liệu số, giao tiếp với phụ huynh và học sinh, cũng như tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn trực tuyến.

Từ những quan điểm trên, năng lực ƯDCNTT của giáo viên tiểu học được hiểu là khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và kinh nghiệm nghề nghiệp để khai thác, sử dụng, tích hợp và vận dụng hiệu quả các công cụ, phần mềm, học liệu và môi trường số vào hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra đánh giá, quản lý lớp học và tự bồi dưỡng chuyên môn.

2.2. Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên tiểu học.

Quản lý hoạt động bồi dưỡng là một bộ phận của quản lý giáo dục, được hiểu là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức của chủ thể quản lý đến toàn bộ hoạt động bồi dưỡng nhằm bảo đảm việc thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, kế hoạch và đạt hiệu quả mong muốn.

Ở cấp nhà trường, quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực ƯDCNTT cho giáo viên không chỉ dừng lại ở việc tổ chức các lớp tập huấn mà bao gồm toàn bộ quá trình khảo sát nhu cầu, xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện, theo dõi, hỗ trợ, kiểm tra và đánh giá kết quả bồi dưỡng.

Trong phạm vi đề án này: Quản lý hoạt động bồi dưỡng, năng lực ƯDCNTT cho giáo viên tiểu học là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức và có hệ thống của chủ thể quản lý đến toàn bộ hoạt động bồi dưỡng thông qua các chức năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá nhằm phát triển năng lực ƯDCNTT và năng lực số của giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục CĐS trong nhà trường tiểu học.

2.3. Sự khác biệt giữa ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

ƯDCNTT và CĐS đều hướng tới nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thông qua việc khai thác công nghệ.

ƯDCNTT là việc sử dụng các thiết bị, phần mềm, hệ thống mạng và dữ liệu số để hỗ trợ thực hiện các hoạt động quản lý, dạy học và giáo dục. Trong lĩnh vực giáo dục, theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022, ƯDCNTT được thể hiện qua việc sử dụng bài giảng điện tử, học liệu số, phần mềm quản lý, hệ thống quản lý học tập (LMS), nền tảng dạy học trực tuyến và các công cụ kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động hiện có.

Trong khi đó, CĐS là quá trình đổi mới toàn diện phương thức quản lý, tổ chức và vận hành trên nền tảng công nghệ số và dữ liệu số. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 xác định chuyển đổi số là động lực phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; tiếp đó, Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 khẳng định chuyển đổi số là sự chuyển đổi toàn diện hoạt động của cơ quan, tổ chức và cá nhân, lấy dữ liệu làm nền tảng, công nghệ số làm công cụ và con người làm trung tâm.

* Điểm giống nhau giữa hai khái niệm là đều khai thác công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tiêu chí	Ứng dụng công nghệ thông tin	Chuyển đổi số
Bản chất	Sử dụng công nghệ hỗ trợ hoạt động	Đổi mới toàn diện hoạt động trên nền tảng số
Mục tiêu	Nâng cao hiệu quả công việc hiện có	Tạo phương thức hoạt động và giá trị mới
Phạm vi	Từng hoạt động hoặc bộ phận	Toàn bộ tổ chức, hệ thống
Trọng tâm	Công cụ, kỹ thuật	Con người, dữ liệu và quy trình
Kết quả	Tăng năng suất, hiệu quả	Đổi mới mô hình quản trị và phương thức hoạt động
Vai trò dữ liệu	Hỗ trợ lưu trữ, xử lý thông tin	Là nền tảng cho quản trị và ra quyết định

Như vậy, ƯDCNTT là tiền đề và điều kiện cần của CĐS, còn CĐS là giai đoạn phát triển cao hơn, hướng tới đổi mới toàn diện hoạt động của nhà trường trên nền tảng công nghệ và dữ liệu số.

2.4. Phương pháp khảo sát thực trạng

- *Mục đích*: Khảo sát thực trạng hoạt động và công tác quản lý bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin (ƯDCNTT) cho giáo viên Trường Tiểu học Song Lộc A đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, làm cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp.

- *Đối tượng:* 03 cán bộ quản lý và 61 giáo viên (tổng 64 người).

- *Nội dung*: Khảo sát thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng, gồm: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá.

- *Cách thức:* Sử dụng phiếu khảo sát với thang đo Likert 5 mức; dữ liệu sau thu thập được mã hóa và xử lý thống kê bằng tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình, độ lệch chuẩn và xếp hạng.

2.5. Thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên Trường Tiểu học Song Lộc A đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

2.5.1 Thực trạng xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Bảng 1. Thực trạng xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

(Mức 1: Hoàn toàn không quan trọng; Mức 2: Không quan trọng; Mức 3: Ít quan trọng; Mức 4: Quan trọng; Mức 5: Rất quan trọng)

TT	Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá (Số lượng - % - N = 64)					ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
		1	2	3	4	5			
1	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giúp xác định rõ mục tiêu phát triển năng lực ƯDCNTT cho giáo viên đáp ứng yêu cầu CĐS.	0 (0%)	0 (0%)	5 (7,8%)	48 (75%)	11 (17,2%)	4,09	0,49	4
2	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giúp xác định đúng nhu cầu và đối tượng cần được bồi dưỡng về ƯDCNTT.	0 (0%)	0 (0%)	3 (4,7%)	48 (75%)	13 (20,3%)	4,16	0,47	2
3	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giúp lựa chọn nội dung bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn của nhà trường và giáo viên.	0 (0%)	0 (0%)	5 (7,8%)	45 (70,3%)	14 (21,9%)	4,14	0,54	3

4	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giúp chuẩn bị và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (kinh phí, CSVC, thiết bị CNTT) phục vụ hoạt động bồi dưỡng.	0 (0%)	0 (0%)	7 (10,9%)	39 (70%)	18 (28,1%)	4,28	0,65	1
5	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giúp tạo cơ sở cho việc kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động bồi dưỡng năng lực ƯDCNTT cho giáo viên.	0 (0%)	1 (1,5%)	5 (7,8%)	40 (62,5%)	18 (28,2%)	4,17	0,63	2
ĐTB chung							**4,17**	**0,55**	

Kết quả khảo sát tại Bảng 1 cho thấy CBQL và giáo viên đánh giá rất cao và tương đối thống nhất về tầm quan trọng của xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực ƯDCNTT, với ĐTB chung = 4,17; ĐLC = 0,55, phản ánh mức độ đồng thuận cao trong nhận thức.

Trong các nội dung, nổi bật nhất là việc kế hoạch giúp chuẩn bị và sử dụng hiệu quả nguồn lực (kinh phí, CSVC, thiết bị CNTT) (ĐTB = 4,28; ĐLC = 0,65; Thứ bậc 1), cho thấy vai trò trung tâm của kế hoạch trong huy động và phân bổ nguồn lực. Tiếp theo là các nội dung tạo cơ sở kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh hoạt động bồi dưỡng (ĐTB = 4,17; ĐLC = 0,63; Thứ bậc 2) và xác định đúng nhu cầu, đối tượng bồi dưỡng (ĐTB = 4,16; ĐLC = 0,47; Thứ bậc 2), thể hiện kế hoạch đảm bảo tính định hướng và kiểm soát trong quản lý.

Các nội dung còn lại như lựa chọn nội dung bồi dưỡng phù hợp thực tiễn (ĐTB = 4,14; ĐLC = 0,54; Thứ bậc 3) và xác định mục tiêu phát triển năng lực ƯDCNTT (ĐTB = 4,09; ĐLC = 0,49; Thứ bậc 4) vẫn được đánh giá cao, song xếp sau, phản ánh sự đồng thuận nhưng mức ưu tiên thấp hơn trong cấu trúc nội dung kế hoạch.

2.5.2. Thực trạng tổ chức hoạt động bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Bảng 2. Thực trạng tổ chức hoạt động bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

(Mức 1: Hoàn toàn không thường xuyên; Mức 2: Không thường xuyên; Mức 3: Ít thường xuyên; Mức 4: Thường xuyên; Mức 5: Rất thường xuyên)

TT	Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá (Số lượng - % - N = 64)					ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
		1	2	3	4	5			
1	Nhà trường phân công cụ thể nhiệm vụ cho các cá nhân, tổ chuyên môn và bộ phận liên quan trong việc tổ chức bồi dưỡng năng lực ƯDCNTT	0 (0%)	1 (1,5%)	7 (11%)	45 (70,3%)	11 (17,2%)	4,03	0,58	4
2	Nhà trường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (kinh phí, thiết bị, CSVC) phục vụ hoạt động bồi dưỡng năng lực ƯDCNTT.	0 (0%)	2 (3,1%)	10 (15,6%)	41 (64,1%)	11 (17,2%)	3,95	0,68	5

3	Nhà trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn hoặc chuyên gia CNTT để tổ chức các hoạt động bồi dưỡng	1 (1,5%)	2 (3,1%)	13 (20,3%)	37 (57,9%)	11 (17,2%)	3,86	0,86	6
4	Nhà trường chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết (phòng học, thiết bị, mạng Internet, học liệu số) trước khi tổ chức bồi dưỡng.	0 (0%)	0 (0%)	5 (7,8%)	43 (67,2%)	16 (25%)	4,17	0,55	2
5	Nhà trường tổ chức triển khai các hoạt động bồi dưỡng theo đúng kế hoạch đã đề ra	0 (0%)	0 (0%)	1 (1,5%)	51 (79,7%)	12 (18,8%)	4,17	0,42	1
ĐTB chung							**4,04**	**0,61**	

Kết quả khảo sát tại Bảng 2 cho thấy công tác tổ chức hoạt động bồi dưỡng năng lực ƯDCNTT cho giáo viên được thực hiện ở mức khá tốt, với ĐTB chung = 4,04; ĐLC = 0,61, phản ánh mức độ đánh giá tương đối thống nhất của CBQL và GV.

Nổi bật nhất là tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch đề ra và chuẩn bị đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT (cùng ĐTB = 4,17; ĐLC lần lượt 0,42 và 0,55; Thứ bậc 1–2), thể hiện mức độ bảo đảm tốt về tính kế hoạch hóa và điều kiện triển khai.

Tiếp theo, phân công nhiệm vụ cho cá nhân và tổ chuyên môn đạt ĐTB = 4,03; ĐLC = 0,58; Thứ bậc 4, phản ánh mức độ tương đối rõ ràng trong tổ chức thực hiện.

Các nội dung có mức đánh giá thấp hơn gồm huy động và sử dụng nguồn lực (ĐTB = 3,95; ĐLC = 0,68; Thứ bậc 5) và đặc biệt phối hợp với cơ quan, chuyên gia CNTT bên ngoài (ĐTB = 3,86; ĐLC = 0,86; Thứ bậc 6) cho thấy hạn chế trong mở rộng nguồn lực và liên kết chuyên môn, đồng thời có độ phân tán ý kiến cao hơn.

2.5.3 Thực trạng chỉ đạo hoạt động bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Bảng 3. Thực trạng chỉ đạo hoạt động bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

(Mức 1: Hoàn toàn không thường xuyên; Mức 2: Không thường xuyên; Mức 3: Ít thường xuyên; Mức 4: Thường xuyên; Mức 5: Rất thường xuyên)

TT	Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá (Số lượng - % - N = 64)					ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
		1	2	3	4	5			
1	BGH thường xuyên chỉ đạo giáo viên thực hiện các kế hoạch bồi dưỡng năng lực ƯDCNTT theo mục tiêu CĐS của nhà trường.	0 (0%)	0 (0%)	8 (12,5%)	49 (76,6%)	7 (10,9%)	3,98	0,48	4
2	BGH thường xuyên hướng dẫn giáo viên thực hiện các nội dung bồi dưỡng và ƯDCNTT trong dạy học	0 (0%)	0 (0%)	7 (10,9%)	49 (76,6%)	8 (12,5%)	4,02	0,48	2

3	BGH thường xuyên động viên, khuyến khích giáo viên tích cực tham gia các hoạt động bồi dưỡng năng lực ƯD CNTT.	0 (0%)	0 (0%)	6 (9,4%)	48 (75%)	10 (15,6%)	4,06	0,50	1
4	BGH kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của giáo viên trong quá trình tham gia bồi dưỡng và ƯDCNTT.	0 (0%)	1 (1,5%)	11 (17,2%)	41 (64,1%)	11 (17,2%)	3,97	0,64	5
5	BGH thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các hoạt động bồi dưỡng năng lực ƯDCNTT của giáo viên.	0 (0%)	1 (1,5%)	8 (12,5%)	44 (68,8%)	11 (17,2%)	4,02	0,60	2
ĐTB chung							**4,01**	**0,54**	

Kết quả khảo sát tại Bảng 3 cho thấy công tác chỉ đạo hoạt động bồi dưỡng năng lực ƯDCNTT được thực hiện ở mức khá thường xuyên, với ĐTB chung = 4,01; ĐLC = 0,54, phản ánh mức độ thống nhất tương đối cao.

Nổi bật là động viên, khuyến khích giáo viên tham gia bồi dưỡng (ĐTB = 4,06; ĐLC = 0,50; Thứ bậc 1), tiếp đến là hướng dẫn thực hiện và theo dõi, đôn đốc hoạt động bồi dưỡng (đều ĐTB = 4,02; ĐLC = 0,48–0,60; Thứ bậc 2), cho thấy chỉ đạo tập trung vào tạo động lực và giám sát thực hiện.

Nội dung gắn kế hoạch bồi dưỡng với mục tiêu CĐS đạt ĐTB = 3,98; ĐLC = 0,48; Thứ bậc 4, trong khi thấp nhất là giải quyết khó khăn, vướng mắc của giáo viên (ĐTB = 3,97; ĐLC = 0,64; Thứ bậc 5), đồng thời có độ phân tán cao nhất, phản ánh hạn chế trong hỗ trợ trực tiếp.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo phát huy hiệu quả ở khâu định hướng, động viên và giám sát, song cần tăng cường hỗ trợ kịp thời cho giáo viên để nâng cao hiệu quả bền vững trong bối cảnh CĐS.

2.5.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Kết quả khảo sát cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động bồi dưỡng năng lực ƯDCNTT được thực hiện ở mức khá (ĐTB chung = 3,98; ĐLC = 0,82), phản ánh sự ổn định và tương đối thống nhất trong đánh giá của CBQL và GV.

Nổi bật là phản hồi kết quả đánh giá đến giáo viên (ĐTB = 4,03; ĐLC = 0,81; Thứ bậc 1), tiếp đến là đánh giá sau bồi dưỡng (ĐTB = 4,00; ĐLC = 0,83; Thứ bậc 1) và sử dụng kết quả để cải tiến (ĐTB = 3,98;

ĐLC = 0,79; Thứ bậc 2), cho thấy định hướng quản lý theo cải tiến liên tục. Xây dựng tiêu chí đánh giá đạt ĐTB = 3,97; ĐLC = 0,82; Thứ bậc 3, trong khi thấp nhất là kiểm tra việc tham gia theo kế hoạch

(ĐTB = 3,94; ĐLC = 0,85; Thứ bậc 5), phản ánh giám sát quá trình chưa thật đồng đều.

2.5.5. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin ở Trường Tiểu học Song Lộc A đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý bồi dưỡng năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên tại Trường Tiểu học Song Lộc A đã đạt nhiều kết quả tích cực. Cán bộ quản lý và giáo viên đều nhận thức rõ vai trò của bồi dưỡng trong bối cảnh chuyển đổi số; nhà trường xây dựng kế hoạch tương đối bài bản, bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tăng cường chỉ đạo và từng bước chú trọng công tác kiểm tra, đánh giá. Hoạt động bồi dưỡng cũng nhận được sự quan tâm của các cấp quản lý giáo dục và sự hưởng ứng tích cực của giáo viên.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như việc xác định nhu cầu bồi dưỡng chưa sát với năng lực thực tế của từng giáo viên; nội dung, phương pháp

và hình thức bồi dưỡng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyển đổi số; cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng CNTT còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức hoạt động bồi dưỡng.

III. KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy nhà trường đã phát huy rất tốt việc cụ thể hóa kế hoạch, chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất và tăng cường động viên, tạo động lực cho giáo viên. Cơ chế phản hồi thông tin sau kiểm tra, đánh giá bước đầu đã hình thành rõ nét, thúc đẩy tinh thần tự học, tự nâng chất chuyên môn của đội ngũ. Bên cạnh kết quả đạt được, công tác quản lý vẫn còn tồn tại một số nút thắt cần tháo gỡ. Việc đánh giá và xác định nhu cầu bồi dưỡng cá nhân chưa thực sự toàn diện; nội dung và hình thức bồi dưỡng chưa theo kịp tốc độ chuyển đổi số toàn diện; hạ tầng công nghệ thông tin tại đơn vị đôi lúc còn gặp khó khăn và công tác phối hợp, liên kết với các chuyên gia, đơn vị chuyên môn bên ngoài còn tương đối hạn chế; để năng lực ƯDCNTT và năng lực số của giáo viên trường Tiểu học Song Lộc A phát triển bền vững, đáp ứng dòng chảy CĐS theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Luật Chuyển đổi số năm 2025, Ban giám hiệu nhà trường cần tiếp tục chuẩn hóa các tiêu chí đánh giá, đa dạng hóa phương thức bồi dưỡng gắn liền với thực tiễn, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, mở rộng liên kết chuyên môn nhằm tối ưu hóa các nguồn lực quản lý trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2013). Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Hà Nội.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 - Chương trình tổng thể.

Chính phủ (2022). Quyết định 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030".

Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định số 749/QĐ-TTg ban hành ngày 03/06/2020, phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long (2023), Kế hoạch số 2534/KH-SGDĐT ngày 12/9/2023 về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023–2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long (2024), Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Vĩnh Long năm học 2024–2025 (ban hành theo kế hoạch năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long).